

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;
Xét Tờ trình số 3317/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-BVHXXH ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai, bao gồm:

a) Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia đối với các chức danh chưa được quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số; các cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Tiền công cho các cá nhân làm nhiệm vụ tập huấn đội tuyển tham dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học cấp quốc gia.

c) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

b) Các cơ sở giáo dục công lập.

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức tại các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia đối với các chức danh chưa được quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức tại kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

a) Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao do cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao do cấp huyện tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bằng 80% mức chi quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao do các cơ sở giáo dục công lập tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bằng 60% mức chi quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Tiền công cho các cá nhân làm nhiệm vụ tập huấn đội tuyển tham dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học cấp quốc gia quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này gồm:

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo được bố trí trong dự toán hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách; nguồn chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục công lập, cụ thể:

a) Ngân sách cấp tỉnh chi đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 (trừ kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa), khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Ngân sách cấp huyện chi đối với kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa quy định tại khoản 1 và các nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Nguồn chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục công lập chi đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Nguồn vận động, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



Hồ Văn Niên



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC TẠI CÁC KỲ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP, KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN, CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 8 THÔNG TƯ SỐ 69/2021/TT-BTC

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông		
1	Ban coi thi		
1.1	Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	560
1.2	Phó Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	480
1.3	Cán bộ giám sát phòng thi	Nghìn đồng/người/ngày	450
1.4	Trật tự viên, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	300
2	Ban làm phách		
	Công an, nhân viên y tế làm việc cách ly	Nghìn đồng/người/ngày	450
3	Ban chấm thi tự luận		
	Nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	300
4	Ban phúc khảo tự luận		
	Nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	300
5	Ban chấm thi trắc nghiệm		
5.1	Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	750
5.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	600
5.3	Công an, bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng/người/ngày	300
5.4	Các thành viên Tổ Thư ký, Tổ Giám sát	Nghìn đồng/người/ngày	450
6	Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm		
6.1	Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	750
6.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	600
6.3	Công an, bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng/người/ngày	300
6.4	Các thành viên Tổ Thư ký, Tổ Giám sát	Nghìn đồng/người/ngày	450

78

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
II	Hội đồng coi thi - Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		
1	Bộ phận kỹ thuật	Nghìn đồng/người/ngày	450
2	Nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	300
III	Hội đồng coi thi - Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh		
1	Bộ phận kỹ thuật	Nghìn đồng/người/ngày	410
2	Nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	270
IV	Hội đồng coi thi - Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện		
1	Bộ phận kỹ thuật	Nghìn đồng/người/ngày	360
2	Nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	240
V	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp		
1	Hội đồng coi thi		
1.1	Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	500
1.2	Phó Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	430
1.3	Cán bộ giám sát phòng thi	Nghìn đồng/người/ngày	410
1.4	Trật tự viên, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	270
2	Hội đồng chấm thi tự luận		
	Nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	270
3	Hội đồng phúc khảo tự luận		
	Nhân viên y tế	Nghìn đồng/người/ngày	270



Phụ lục II
TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ THUỘC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC TẠI KỲ THI
CUỐI KHÓA TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hội đồng thi			
1.1	Chủ tịch	Nghìn đồng/người/ngày	380	Không quá 03 ngày, chỉ theo chấm công thực tế
1.2	Phó Chủ tịch	Nghìn đồng/người/ngày	300	
1.3	Ủy viên	Nghìn đồng/người/ngày	230	
2	Ban ra đề thi, in sao đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi			
2.1	Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	380	
2.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	300	
2.3	Ủy viên, thư ký	Nghìn đồng/người/ngày	230	
2.4	Người ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	Nghìn đồng/người/ngày	380	Không quá 03 ngày, chỉ theo chấm công thực tế
2.5	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Nghìn đồng/người/ngày	150	
3	Ban/Điểm coi thi			
3.1	Trưởng ban/Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	380	
3.2	Phó Trưởng ban/Phó Trưởng Điểm thi	Nghìn đồng/người/ngày	300	
3.3	Ủy viên, Thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Nghìn đồng/người/ngày	230	
3.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Nghìn đồng/người/ngày	150	
4	Ban chấm thi			
4.1	Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	380	
4.2	Phó Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	300	
4.3	Ủy viên, Thư ký	Nghìn đồng/người/ngày	230	
4.4	Tiền công chấm bài thi	Nghìn đồng/người/ngày	300	Định mức 50 bài/người/ngày

[Signature]



Phụ lục III

TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ TIỀN THƯỞNG CHO TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT GIẢI TẠI CÁC CUỘC THI, HỘI THI, HỘI THAO DO CẤP TỈNH TỔ CHỨC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; TIỀN CÔNG CHO CÁC CÁ NHÂN LÀM NHIỆM VỤ TẬP HUẤN ĐỘI TUYỂN THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC, KỸ THUẬT HỌC SINH TRUNG HỌC CẤP QUỐC GIA

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức tại các cuộc thi, hội thi, hội thao do cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
1	Ban tổ chức			Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh của Hội đồng hoặc Ban tại cùng một cuộc thi, hội thi, hội thao: Thanh toán theo mức tiền công cao nhất theo thực tế nhiệm vụ thực hiện
1.1	Trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	380	
1.2	Phó trưởng ban	Nghìn đồng/người/ngày	300	
1.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Nghìn đồng/người/ngày	230	
2	Ban giám khảo/Hội đồng chấm thi			
2.1	Trưởng ban/Chủ tịch	Nghìn đồng/người/ngày	380	
2.2	Phó trưởng ban/Phó Chủ tịch	Nghìn đồng/người/ngày	300	
2.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Nghìn đồng/người/ngày	230	
3	Các chức danh khác	Nghìn đồng/người/ngày	230	
II	Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi, hội thi, hội thao do cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
1	Tiền thưởng cho tập thể			
1.1	Giải nhất	Nghìn đồng/tập thể	1.440	
1.2	Giải nhì	Nghìn đồng/tập thể	1.080	
1.3	Giải ba	Nghìn đồng/tập thể	720	
1.4	Giải khuyến khích	Nghìn đồng/tập thể	540	
2	Tiền thưởng cho cá nhân			
2.1	Giải nhất	Nghìn đồng/người	540	
2.2	Giải nhì	Nghìn đồng/người	450	
2.3	Giải ba	Nghìn đồng/người	360	
2.4	Giải khuyến khích	Nghìn đồng/người	270	
III	Tiền công cho các cá nhân làm nhiệm vụ tập huấn đội tuyển tham dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học cấp quốc gia			
1	Tiền công giảng dạy (kể cả biên soạn tài liệu)	Nghìn đồng/người/ngày	1.000	
2	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Nghìn đồng/người/ngày	230	

Handwritten signature/initials.